TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 18 – 9 - 2020
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Trần Văn Điền**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Mai Lương Anh**

+ Ông **Nguyễn Minh Sơn**

Thư ký phiên toà: ông **Hoàng Ngọc Trung Dũng** - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về *"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020 ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ X, thôn L, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Đặng Phước T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ X, thôn L, xã T, thành phố L, tỉnh Đ.

(chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2020 nộp tại Tòa án thành phố L, tỉnh Đ và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn cùng với anh Đặng Phước T vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ X, thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T không lo cho gia đình vợ con thường xuyên bài bạc,

nhậu nhẹt say xỉn, ghen tuông vô cớ còn đánh đập chị H. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Đặng Phước T.

Về con chung: Có hai con chung tên Đặng Nguyễn Hoài U, sinh ngày 12/5/2011, Đặng Nguyễn Hoài A, sinh ngày 5/11/2014. Hiện nay đang ở với chị H, ly hôn chị H yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T cũng không đến tòa. Vì vậy, tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: chị H yêu cầu xin ly hôn anh T và yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Phước T là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo cho gia đình vợ con thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt say xỉn, ghen tuông vô cớ còn đánh đập chị H. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị H.

Về con chung: Giao con hai chung tên Đặng Nguyễn Hoài U, sinh ngày 12/5/2011, Đặng Nguyễn Hoài A, sinh ngày 5/11/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên chị H không yêu cầu y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết

N*ợ chung*: Không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn chị Đặng Phước T, nên xác định

quan hệ tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay anh T trú tại Tổ X, thôn L, xã T, thành phố L, tỉnh Đ. nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đăng ký kết hôn cùng anh Đặng Phước T tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh Đ, hôn nhân hợp pháp và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo cho gia đình vợ con thường xuyên bài bạc, nhậu nhẹt say xỉn, ghen tuông vô cớ còn đánh đập chị H, từ đó gia đình thường xuyên cải vã, chị H đã gửi đơn đến tòa xin ly hôn anh T nhưng vì con cái chị H đã rút đơn cũng đã cho anh T nhiều cơ hội sữa chữa và vợ chồng cũng tự tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả và dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt và cũng được hội đồng xét xử động viên chị H đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng chị H không đồng ý và xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên xin được ly hôn anh T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T đã được triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện không còn tình cảm với chị H và qua lời khai của chị H tại phiên tòa thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng cũng như biên bản xác minh tại khu phố việc mâu thuẫn của vợ chồng chị H tổ không biết nên không có cơ sở để hòa giải. Do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] *Về con chung*: chị H xác định vợ chồng có hai con chung tên Đặng Nguyễn Hoài U, sinh ngày 12/5/2011, Đặng Nguyễn Hoài A, sinh ngày 5/11/2014. Theo nguyên vọng của cháu U được ở với mẹ, cháu A còn nhỏ để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ và quyền lợi cho các trẻ vị thành niên và hiện nay các cháu vẫn ở với mẹ. Nên tiếp tục giao hai cháu tên Đặng Nguyễn Hoài U, sinh ngày 12/5/2011, Đặng Nguyễn Hoài A, sinh ngày 5/11/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí:* chị Nguyễn Thị Thanh H chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H. Cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Phước T được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao hai con chung tên Đặng Nguyễn Hoài U, sinh ngày 12/5/2011, Đặng Nguyễn Hoài A, sinh ngày 5/11/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

2.2 *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng chị H đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0017494 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ).

Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thanh H có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Đ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Đặng Phước T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ*;
- *VKSND TP L*;
- *Chi cục THA L;*
- *UBND, xã Xuân Thọ, TP DĐà Lạt.*
- *Lưu*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền